TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/DS-ST
Ngày 25-7-2018
v/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐĂK LĂK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Ông Lê Viết Kiên.

Các hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Hạnh
Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm

Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hiền, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Toàn - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số**:** 628/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐXXST-DS ngày 22/6/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị Nh - (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 07 LHTr, thị trấn Q. Ph, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thành Nh - (có mặt)
Địa chỉ: Số 17 Y, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Bà Trương Thị Ng - (có mặt)
Địa chỉ: khối 7, phường TH, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông trình bày như sau:

Do quen biết nên bà Nh có cho bà Ng mượn tiền góp với các lần cụ thể như sau:

1/ Ngày 24/4/2014, bà Nh cho bà Ng mượn số tiền 72.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi ngày trả 300.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi, bà Ng đã trả cho bà Nh từ

24/4/2014 đến 02/8/2014 (97 ngày trong đó có 14 ngày không đóng, tương đương số tiền 4.200.000 đồng chưa đóng) bà Nh đã nhận số tiền là 24.900.000 đồng. Còn lại số tiền 72.000.000 đồng - 24.900.000 đồng = 47.100.000 đồng chưa trả.

2/ Ngày 26/9/2014, bà Nh cho bà Ng mượn số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 600.000 đồng/tháng, về khoản tiền này bà Ng chưa trả cho bà Nh tiền gốc và lãi (trong giấy ngày 26/9/2014 có ghi bà Ng mượn ngắn ngày 26/10 AL số tiền 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả 100.000 đồng mỗi ngày và đã trả hết nợ số tiền 5.000.000 đồng trên, khoản nợ này không liên quan đến số tiền gốc 30.000.000 đồng).

3/ Ngày 26/7/2015, bà Nh cho bà Ng mượn số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 600.000 đồng/tháng, về khoản tiền này bà Ng chưa trả cho bà Nh tiền gốc và lãi (về giấy tờ ghi dưới phần khoản nợ tôi xác định trả góp cho khoản nợ khác không liên quan đến khoản nợ 30.000.000 đồng).

Nay bà Nh xác định bà Ng còn nợ bà Nh số tiền 107.100.000 đồng, yêu cầu bà Ng phải trả cho bà Nh số tiền trên và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Trương Thị Ng trình bày như sau:

Do quen biết nên tôi có mượn tiền góp của cô Mai Thị Nh ở huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk số tiền 132.000.000 đồng, cụ thể như sau:

1/ Ngày 24/4/2014, tôi mượn cô Nh 72.000.000 đồng tiền góp, thỏa thuận mỗi ngày trả 300.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi, tôi đã trả trong vòng 12 tháng mỗi tháng là 9.000.000 đồng, tổng cộng khoản vay này tôi đã trả là 108.000.000 đồng. Tuy nhiên cô Nh chỉ cung cấp cho Tòa án 01 tờ giấy trả góp từ ngày 24/4/2014 đến 02/8/2014 (trong đó có 14 ngày tương đương 4.200.000 đồng chưa đóng). Tôi xác định số tiền này tôi đã đóng đủ cho bà Nh là 12 tháng, yêu cầu bà Nh giao sổ sách mà tôi đã trả cho bà Nh để đối chiếu công nợ về khoản vay này.

2/ Ngày 26/9/2014, tôi mượn cô Nh 30.000.000 đồng thỏa thuận lãi suất là 900.000 đồng/tháng, đã trả lãi đến ngày 20/01/2015 là 4.500.000 đồng.

Sau đó từ tháng 02/2015 hai bên thống nhất với nhau trả tiền góp hàng ngày mỗi ngày là 180.000 đồng/ngày, số tiền này tôi đã đóng 06 tháng 20 ngày thành tiền là 36.000.000 đồng, chứng từ này tôi ghi vào sổ của chị Nh yêu cầu chị Nh cung cấp cho Tòa án để đối chiếu.

3/ Ngày 26/7/2015, tôi mượn cô Nh 30.000.000 đồng tiền đứng, thỏa thuận hàng tháng trả góp số tiền 180.000 đồng trên ngày, số tiền này đã trả xong không nợ nữa, tuy nhiên chị Nh không cung cấp sổ sách trả nợ, do vậy đề nghị chị Nh cung cấp cho Tòa án để đối chiếu.

Ngoài ra ngày 26/10/2014 âm lịch, tôi mượn cô Nh số tiền 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả 100.000 đồng mỗi ngày và đã trả hết nợ số tiền 5.000.000 đồng trên. Không nợ nữa (về phần này bà Nh không kiện nên tôi cũng không có ý kiến gì).

Nay tôi xác định đã trả góp toàn bộ số tiền gốc 132.000.000 đồng và lãi xuất cho cô Nh, nay cô Nh khởi kiện tôi 107.100.000 đồng không đồng ý.

Tại phiên toà hôm nay các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa HĐXX và đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của Mai Thị Nh: Buộc bà Trương Thị Ng trả cho bà Mai Thị Nh số tiền 107.100.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án "Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột theo quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Do quen biết nên bà Nh có cho bà Ng mượn tiền góp với các lần cụ thể như sau: Ngày 24/4/2014, bà Nh cho bà Ng mượn số tiền 72.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi ngày trả 300.000 đồng, bao gồm cả gốc và lãi, bà Ng đã trả cho bà Nh từ 24/4/2014 đến 02/8/2014 (97 ngày trong đó có 14 ngày không đóng tương đương số tiền 4.200.000 đồng chưa đóng), bà Nh đã nhận số tiền là 24.900.000 đồng. Còn lại số tiền 72.000.000 đồng - 24.900.000 đồng = 47.100.000 đồng chưa trả. Ngày 26/9/2014, bà Nh cho bà Ng mượn số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp là 600.000 đồng/tháng. Ngày 26/7/2015, bà Nh cho bà Ng mượn số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp là 600.000 đồng/tháng. Quá trình vay mượn bà Ng không trả nợ cho bà Nh theo thỏa thuận là vi phạm cam kết, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hoàn trả số tiền 107.100.000 đồng tiền gốc là có cơ sở cần chấp nhận theo quy định tại Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Xét về yêu cầu của bà Ng cho rằng đã trả số tiền 132.000.000 đồng và lãi xuất cho bà Nh, HĐXX nhận thấy quá trình điều tra, đối chất bà Ng không đưa ra các chứng cứ chứng minh đã trả nợ cho bà Nh, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không thừa nhận nên không có cơ sở để chấp nhận. Về yêu cầu giao sổ sách đối chiếu, nguyên đơn xác định không có sổ sách mà chỉ có 03 chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án, bị đơn không có chứng cứ để chứng minh đã trả tiền, do đó không chấp nhận.

[3] Xét về lãi suất nguyên đơn không yêu cầu, nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Mai Thị Nh: Buộc bà Trương Thị Ng trả cho bà Mai Thị Nh số tiền 107.100.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Trương Thị Ng phải chịu 5.355.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Mai Thị Nh đã nộp theo biên lai số AA/2016/0004866 ngày 21/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Viết Kiên